

**ĐỀ CHÍNH THỨC**

Thời gian làm bài: 90 phút  
Học sinh làm bài vào giấy kiểm tra.

**Phần I (6.0 điểm)**

“Sang thu” của Hữu Thỉnh đã bộc lộ những cảm xúc tinh tế về khúc giao mùa từ hạ sang thu theo một cách rất riêng.

1. Trình bày hoàn cảnh sáng tác của bài thơ.
2. Cả bài thơ “Sang thu” chỉ có một dấu chấm ở kết bài. Hãy ghi lại tên một văn bản khác trong chương trình Ngữ văn lớp 9 cũng có đặc điểm đó và nêu rõ tên tác giả.
3. Chỉ ra hai từ đồng nghĩa được tác giả sử dụng trong bài thơ. Cách sử dụng hai từ đồng nghĩa ấy có điểm gì giống nhau?
4. Khổ đầu bài thơ, Hữu Thỉnh viết:

Bỗng nhận ra hương ổi  
Phả vào trong gió se  
Sương chùng chình qua ngõ  
Hình như thu đã về

(Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam)

Bằng một đoạn văn tổng hợp - phân tích - tổng hợp khoảng 12 câu, em hãy làm rõ cảm nhận tinh tế của tác giả trước những tín hiệu thu về qua khổ thơ trên, trong đoạn có sử dụng câu bị động và phép lặp (gạch dưới, chú thích rõ câu bị động và từ ngữ dùng làm phép lặp).

**Phần II (4.0 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“...Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ, tôi dần dần hiểu ra rằng, thế giới này là muôn màu muôn vẻ, vô tận và hấp dẫn lạ lùng. Vạn vật trên rừng dưới biển đều thế và xã hội con người cũng thế. Nhớ các bạn trong lớp tôi ngày trước, mỗi người một vẻ, sinh động biết bao. Ngoại hình khác nhau, giọng nói khác nhau đã đành, mà thói quen, sở thích cũng có giống nhau đâu. Người thích vẽ vời, người ưa ca hát, nhảy múa, có bạn chỉ khi ra sân tập thể thao mới thực sự là mình,... Về tính cách thì sôi nổi, nhí nhảnh hay kín đáo, trầm tư có đủ hết... Người ta thường nói học trò “**ngịch như quý**”, ai ngờ “quý” cũng là cả một thế giới, chẳng “quý” nào giống “quý” nào! Tôi đã đọc đâu đó một câu rất hay: “Chỗ giống nhau nhất của mọi người trên thế gian này là ... không ai giống ai cả”. Chính chỗ “**không giống ai**” nhiều khi lại là một phần rất đáng quý trọng trong mỗi con người.”

(Theo Lạc Thanh, SGK Ngữ văn 6, Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam)

1. Xác định công dụng của dấu ngoặc kép trong phần ngữ liệu được in đậm.
2. Em hiểu như thế nào về câu nói được tác giả trích dẫn trong đoạn văn: “Chỗ giống nhau nhất của mọi người trên thế gian này là...không giống ai cả.”?
3. Bằng một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi, em hãy nêu suy nghĩ về những chỗ “không giống ai” đáng quý trọng trong mỗi con người.

-----Hết-----

**Ghi chú:** Điểm phần I: 1 (0,5 điểm); 2 (0,5 điểm); 3 (1,5 điểm); 4 (3,5 điểm)

Điểm phần II: 1 (1,0 điểm); 2 (1,0 điểm); 3 (2,0 điểm)

Giáo viên không giải thích gì thêm.



		<p><b>* Nội dung:</b> biết bám sát ngữ liệu và khai thác hiệu quả các tín hiệu nghệ thuật (nhân hóa, ẩn dụ, từ ngữ đặc sắc...) để làm nổi bật những ý cơ bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những tín hiệu thu về trong không gian gần và hẹp (cảm nhận bằng khứu giác, xúc giác, thị giác...)</li> <li>- Cảm xúc của nhà thơ: ngạc nhiên, bất ngờ; băng khuâng, xao xuyến...</li> </ul> <p><b>* Lưu ý:</b>  <i>Nếu HS chỉ diễn xuôi khổ thơ mà không phân tích các tín hiệu nghệ thuật, GV cho không quá 1.0 điểm.</i>  <i>HS có sử dụng các yếu tố tiếng Việt nhưng không chỉ rõ, không cho điểm</i>  <i>Đoạn văn quá dài hoặc quá ngắn trừ 0.5 điểm</i></p>	2,0
<b>II</b>			<b>4,0</b>
	1	<p>Học sinh xác định được công dụng của dấu ngoặc kép trong ngữ liệu in đậm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>ngịch như quý:</i> trích dẫn trực tiếp 0,5</li> <li>- <i>không giống ai:</i> 0,5</li> <li>+ trích dẫn trực tiếp</li> <li>+ đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt</li> </ul>	
	2	<p>Học sinh nêu được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mỗi người đều có đặc điểm riêng, khác biệt với người khác... 0,5</li> <li>+ Nhấn nhủ thái độ: hiểu, tôn trọng...những đặc điểm riêng, khác biệt của người khác 0,5</li> </ul>	
	3	<p><b>* Hình thức:</b> đảm bảo dung lượng theo yêu cầu của đề; lập luận chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng phù hợp; diễn đạt mạch lạc, rõ ý, đúng chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt 0,5</p> <p><b>* Nội dung:</b> HS có những lí giải và dẫn chứng phù hợp để bảo vệ quan điểm của mình về vấn đề được đưa ra. GV tham khảo các gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích <i>chỗ không giống ai đáng quý trọng trong mỗi con người</i> 0,25</li> <li>- Khẳng định sự cần thiết phải có điểm khác biệt đáng quý trọng của mỗi người. 0,5</li> <li>- Thể hiện ý thức về sự khác biệt và thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác 0,5</li> <li>- Liên hệ và rút ra bài học 0,25</li> </ul> <p><b>* Lưu ý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV khi chấm cần linh hoạt với những ý kiến liên hệ bài học của HS</li> <li>- Khuyến khích HS có suy nghĩ riêng nhưng phải lí giải hợp lí, thuyết phục.</li> <li>- Không cho điểm các quan điểm lệch lạc.</li> <li>- Không viết thành đoạn văn trừ 0.5 điểm.</li> </ul>	

### I. Lưu ý chung:

Hướng dẫn chấm chỉ nêu những nội dung cơ bản, có tính định hướng. Các tổ nhóm chuyên môn thống nhất hướng dẫn chấm chi tiết.

Giáo viên cần linh hoạt khi vận dụng hướng dẫn chấm; cần đánh giá bài làm của học sinh trong chính thể; tôn trọng những bài viết có ý kiến và giọng điệu riêng. Chấp nhận các cách kiến giải khác nhau, kể cả không có trong hướng dẫn chấm, miễn là hợp lí và có sức thuyết phục.

Khuyến khích những ý tưởng sáng tạo, những phát hiện độc đáo mà hợp lí, thuyết phục và những bài viết có cá tính, giọng điệu, cảm xúc riêng.

Ở từng ý trong bài làm của học sinh, căn cứ vào mức độ đạt được, giáo cho các mức điểm thấp hoặc cao hơn mức điểm trong hướng dẫn chấm.

Điểm toàn bài là tổng điểm thành phần, lẻ đến 0,25 điểm.

### II. Hướng dẫn chấm

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I			6,0
	1	Học sinh ghi chính xác hoàn cảnh sáng tác bài thơ	0,5
	2	Học sinh nêu được tên một bài thơ có đặc điểm tương tự: <i>Ánh trăng</i> - Nguyễn Duy	0,5
	3	- Cặp từ đồng nghĩa là " <i>chùng chình</i> " và " <i>dềnh dàng</i> ". - Điểm giống nhau trong cách sử dụng: + Sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa + Diễn tả sự chuyển biến thông thả, chậm rãi của sự vật + Bộc lộ cảm xúc băng khuâng, lưu luyến	0,5 0,25 0,5 0,25
	4	* <b>Hình thức:</b> - Đảm bảo dung lượng theo yêu cầu của đề, diễn đạt mạch lạc, rõ ý, đúng chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt; - Trình bày đoạn văn theo đúng phép lập luận TPH; - Sử dụng đúng, gạch dưới và chú thích rõ từ ngữ dùng làm phép lập đề liên kết và một câu bị động	0,5 0,5 0,5